

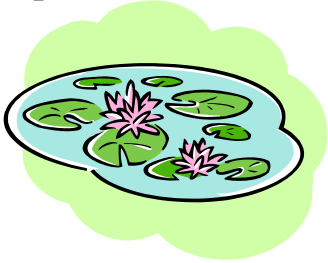

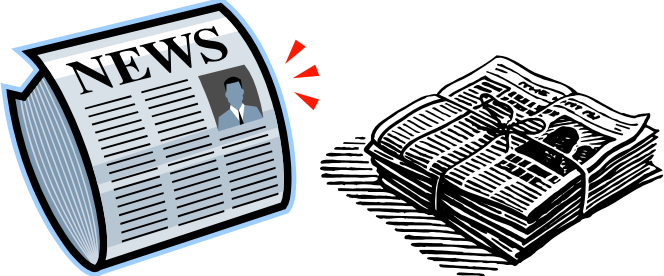
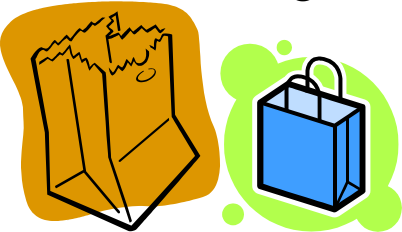


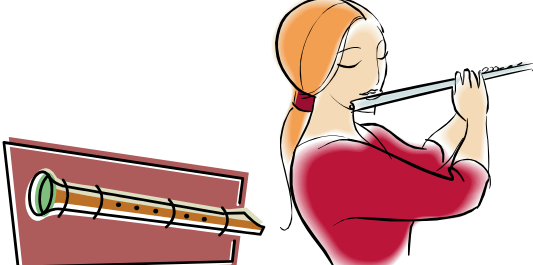
Họ và Tên _____

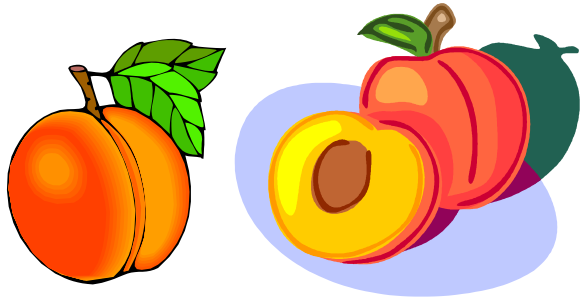

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Bài Tập Tại Lớp #12

Bài Số 19 – Ao, Eo

Vần Ao

<p>1. Ao – a pond</p> 	<p>2. Áo – a shirt</p> 
<p>3. Báo – tell; say</p>	<p>4. Báo – newspaper</p> 
<p>5. Cái bao – a bag</p> 	<p>6. Con dao – a knife</p> 
<p>7. Ngôi sao – a star</p> 	<p>8. Sáo – a flute</p> 

<p>9. Trái đào – a peach</p> 	<p>10. Trái táo – an apple</p> 
<p>11. bỏ vào – put into</p>	

Tập Đọc

*Mẹ em bảo
Lấy tờ báo
Và con dao
Để cắt táo
Rồi bỏ vào
Hai cái bao
Em lấy áo
Và trái đào
Ra bờ ao
Ngồi đếm sao
Nghe thổi sáo*